TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BA BỂ** **TỈNH BẮC KẠN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 35/2017/HSST
Ngày 23/8/2017

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BA BỂ, TỈNH BẮC KẠN
Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Triệu Văn Mẫn

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Đỗ Thị Láng

2. Bà Nguyễn Thị Hà

Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Thị Ưu – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Ba Bể, tỉnh Bắc Kạn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ba Bể, tỉnh Bắc Kạn tham gia phiên tòa: Ông Hoàng Trọng Hữu – Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 8 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Ba Bể xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 42/2017/HSST ngày 28/7/2017 đối với bị cáo: Nông Văn T, sinh năm 1969; Nơi ĐKNKTT và chỗ ở hiện nay: Thôn T, xã Đ, huyện B, tỉnh Bắc Kạn; Nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ văn hóa: lớp 1/10; Con ông: Nông Văn T và bà Ma Thị C; Vợ Nguyễn Thị P (tên gọi khác Hoàng Thị P), có 02 con; tiền sự: Không; tiền án: 02 (Tại bản án số 24/2007/HSST ngày 28/9/2007 của Tòa án nhân dân huyện Ba Bể đã xử phạt bị cáo Nông Văn T 15 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản". Tại bản án số 24/2009/HSST ngày 17/11/2009 của Tòa án nhân dân huyện Ba Bể đã xử phạt bị cáo Nông Văn T 08 năm tù về tội "Mua bán trái phép chất ma túy", bị cáo chưa được xóa án tích); Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 23/4/2017 cho đến nay, có mặt tại phiên tòa.

Người bị hại: Ông Đồng Minh M, Sinh năm 1953 trú tại: Tiểu khu 1, thị trấn Chợ Rã, huyện Ba Bể, tỉnh Bắc Kạn. Có mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Dương Văn D, sinh năm 1965, trú tại: Thôn Khuổi Ú, xã N, huyện P, tỉnh Bắc Kạn. Có mặt.

NHẬN THẤY:

Bị cáo Nông Văn T bị Viện kiểm sát nhân dân huyên Ba Bể, tỉnh Bắc Kạn truy tố về hành vi phạm tội như sau:

Khoảng 23 giờ ngày 02/02/2017, Nông Văn T trên đường từ thôn P, xã T, huyện B đi theo đường Quốc lộ 279 để về nhà, khi đến Tiểu khu 1, thị trấn C, huyện B thì thấy một con trâu buộc trong chuồng sát rìa đường, T nảy sinh ý định trộm cắp con trâu đem bán lấy tiền. Quan sát xung quanh xong, T đi thẳng vào chuồng, cởi dây buộc dắt con trâu theo đường 258b đi lên Chợ Bò thuộc xã N, huyện P để bán. Khi T dắt trâu đến thôn K, xã N, huyện P thì có ông Dương Văn D đã hỏi mua trâu, T có nói với ông D là trâu của gia đình và đồng ý bán con trâu cho D với số tiền 18.000.000đ *(Mười tám triệu)* đồng. Số tiền bán trâu T đã tiêu sài cá nhân hết.

Khoảng 06 giờ ngày 03/02/2017, ông Đồng Minh M phát hiện con trâu của gia đình buộc trong chuồng ở gần nhà đã bị mất trộm, con trâu có đặc điểm là trâu đực, màu đen, sừng dài khoảng 30cm, đuôi dài khoảng 1m, nặng khoảng 200kg hơi (Tương đương khoảng 70 kg thịt), ông M đã trình báo sự việc với cơ quan Công an huyện B. Sau khi tìm thấy con trâu, Cơ quan điều tra đã trả lại cho gia đình ông M.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Dương Văn D khai: Khoảng 06 giờ ngày 03/02/2017, thấy Nông Văn T dắt một con trâu đực, màu đen đi qua trước cửa nhà nên có hỏi mua, do Tiến nói là trâu của gia đình nên D đã mua con trâu với giá 18.000.000 *(Mười tám triệu)* đồng.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số 149/ĐGTS ngày 24/4/2017 của Hội đồng định giá tài sản huyện B kết luận: Con trâu đực 02 tuổi, màu đen, to, béo, sừng dài khoảng 30cm, đuôi dài 01m, khoảng 70kg thịt tại thời điểm bị mất trộm có giá là 14.700.000đ *(Mười bốn triệu bảy trăm nghìn)* đồng.

Tại bản cáo trạng số 28/KSĐT ngày 27 tháng 7 năm 2017 của Viện kiểm sát nhân dân huyện B đã truy tố bị cáo Nông Văn T về tội "Trộm cắp tài sản" theo điểm c khoản 2 Điều 138 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên toà đại diện Viện kiểm sát vẫn giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm p khoản 1 Điều 46; điểm c khoản 2 Điều 138 của Bộ luật Hình sự để xử phạt bị cáo T từ 24 (*Hai mươi tư*) tháng đến 30 (*Ba mươi*) tháng tù. Ghi nhận việc tự nguyện thỏa thuận mức bồi thường giữa bị cáo với người bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

Người bị hại ông Đồng Minh M yêu cầu bị cáo Nông Văn T phải bồi thường cho ông chi phí tìm kiếm con trâu với số tiền 8.000.000 *(Tám triệu)* đồng;

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Dương Văn D yêu cầu bị cáo Nông Văn T phải trả lại số tiền 18.000.000đ *(Mười tám triệu)* đồng mà ông đã bỏ ra mua con trâu;

Tại phiên toà bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội và nhất trí bồi thường theo yêu cầu của Người bị hại và Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, hiện nay bị cáo chưa có tiền để thực hiện việc bồi thường.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên toà; Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác.

XÉT THẤY:

Tại phiên tòa bị cáo thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội, lời khai nhận của bị cáo phù hợp với lời khai của ông Đồng Minh M và ông Dương Văn D và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử khẳng định: Khoảng 23 giờ ngày 02/02/2017, bị cáo Nông Văn T trộm cắp 01 (*Một*) con trâu đực của gia đình ông Đồng Minh M sau đó đem bán cho ông Dương Văn D tại thôn K, xã N, huyện P được số tiền 18.000.000 (*Mười tám triệu đồng*). Theo kết luận định giá tài sản của Hội đồng định giá tài sản huyện B kết luận trị giá con trâu tại thời điểm bị cáo chiếm đoạt có giá trị là 14.700.000 (*Mười bốn triệu bảy trăm nghìn*) đồng.

Hành vi nêu trên của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội "*Trộm cắp tài sản*" theo Điều 138 Bộ luật hình sự. Trước lần phạm tội này, tại bản án số 24/2009/HSST ngày 17/11/2009 của Tòa án nhân dân huyện Ba Bể, tỉnh Bắc Kạn đã áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự "*tái phạm*" đối với bị cáo. Bởi vậy, lần phạm tội này của bị cáo thuộc trường hợp "*tái phạm nguy hiểm"* theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 49 Bộ luật hình sự. Hội đồng xét xử đủ cơ sở kết luận bị cáo phạm tội "*Trộm cắp tài sản*" theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 138 Bộ luật hình sự như Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Ba Bể, tỉnh Bắc Kạn đã truy tố là đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

Xét tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân của bị cáo Hội đồng xét xử thấy: Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự là "*thành khẩn khai báo*" theo quy định tại điểm p khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự. Về nhân thân: Bị cáo đã nhiều lần bị kết án nên xác định bị cáo có nhân thân xấu.

Tổng hợp các tình tiết của vụ án, Hội đồng xét xử nhận định: Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm hại đến quyền sở hữu tài sản là khách thể được pháp luật hình sự bảo vệ, làm ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự tại địa phương. Bị cáo đã nhiều lần bị kết án, tuy nhiên lại không lấy đó làm bài học để tu dưỡng bản thân, lần phạm tội này cần phải xử phạt bị cáo nghiêm khắc mới đủ sức giáo dục các bị cáo và răn đe phòng ngừa chung trong xã hội.

Về hình phạt bổ sung: Qua tài liệu xác minh của cơ quan điều tra xác định: Bị cáo thuộc diện hộ nghèo, không có tài sản, không có khả năng để thi hành hình phạt bổ sung là phạt tiền. Do đó, không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo với người bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan tự nguyện thỏa thuận về mức bồi thường, cụ thể: Bị cáo nhất trí bồi thường chi phí để tìm kiếm con trâu cho người bị hại là ông Đồng Minh M với số tiền 8.000.000 *(Tám triệu)* đồng và nhất trí bồi thường số tiền 18.000.000đ *(Mười tám triệu)* đồng cho Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Dương Văn D. Việc thỏa thuận về số tiền bồi thường là hoàn toàn tự nguyện không trái quy định của pháp luật cần chấp nhận. Tuy nhiên, do bị cáo chưa thực hiện việc bồi thường, vì vậy cần phải buộc bị cáo phải bồi thường theo thỏa thuận để đảm bảo việc thi hành án.

Đối với ông Dương Văn D là người mua trâu với bị cáo T, tuy nhiên ông D không biết con trâu ông mua là do bị cáo trộm cắp mà có, vì vậy không có căn cứ để xem xét trách nhiệm đối với ông D.

Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

1. Tuyên bố bị cáo Nông Văn T phạm tội "*Trộm cắp tài sản*".

Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 138; điểm p khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự, xử phạt:

Bị cáo Nông Văn T 30 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam 23/4/2017

2. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng khoản 1 Điều 42 Bộ luật hình sự; Điều 584; Điều 585; Điều 589 Bộ luật dân sự.

Buộc bị cáo Nông Văn T phải bồi thường cho ông Đồng Minh M số tiền 8.000.000 (*Tám triệu*) đồng và bồi thường cho ông Dương Văn D số tiền 18.000.000đ *(Mười tám triệu)* đồng.

Việc thi hành án khoản tiền bồi thường được thực hiện theo quy định tại Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015.

3. Về án phí: Áp dụng Điều 99 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết về án phí, lệ phí tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc Hội số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016

Bị cáo Nông Văn T phải chịu 200.000 đồng (*Hai trăm nghìn đồng*) án phí Hình sự sơ thẩm và 1.300.000 (*Một triệu ba trăm nghìn*) đồng án phí Dân sự sơ thẩm để sung quỹ nhà nước.

"Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự"

Bị cáo, Người bị hại và Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đều có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Các Hội thẩm nhân dân **Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

Đỗ Thị Láng **Nguyễn Thị Hà** **Triệu Văn Mẫn**

Nơi nhận:
- TAND tỉnh;
- Sở Tư pháp;
- VKSND Ba Bể;
- Công an Ba Bể;
- THADS Ba Bể;
- Người tham gia tt;
- Lưu hồ sơ.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Triệu Văn Mẫn